

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 -2026
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Ông Trương Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thuý Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07A/2026/QĐST – DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1981 “Có mặt”;

- Bị đơn: Ông Võ Thành Lập, sinh năm 1974 “Vắng mặt”;

Cùng nơi thường trú: Ấp E, xã H, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn ghi ngày 16 tháng 9 năm 2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông L1 chung sống cùng nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 30 tháng 12 năm 2002. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại ấp E, xã H, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung, ông L1 thường xuyên uống rượu, bia không lo chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà L và ông L1 đã sống ly thân được 04 năm đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà L xác định không còn L1 cảm với ông L1. Bà L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai giải quyết cho bà được ly hôn ông Võ Thành L1.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, bà L và ông L1 có 02 con chung tên **Võ Hà Tường V**, sinh năm 2003 và **Võ Đăng K**, sinh năm 2007. Các con đã thành niên (đủ 18 tuổi) bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Võ Thành L1**, trong quá trình giải quyết vụ án ông L1 trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà L là đúng về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông còn thương, yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn và không đến Tòa làm việc và ông không đồng ý ký vào bản lẩy lời khai.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng các đương sự không thống nhất toàn bộ nội dung vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà **Trần Thị Mỹ L**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà **Trần Thị Mỹ L** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Võ Thành L1** theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông **L1** cư trú tại **xã H, tỉnh Đồng Nai** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông **Võ Thành L1** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng ông **L1** vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông **L1**.

[3] Về hôn nhân: Bà **L** và ông **L1** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai)** vào năm 2002. Xét,

đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 9 năm 2025, lời trình bày của bà **L** trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng bà **L** và ông **L1** không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung, ông **L1** thường xuyên uống rượu, bia không lo chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên bà **L** và ông **L1** đã sống ly thân 04 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **L1** thừa nhận giữa vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Ông **L1** cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, ông còn thương yêu bà **L** nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà **L** xác định hiện nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông **L1** không còn nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông **L1**. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà **L** và ông **L1** đã lâm vào Lập trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **L**, cho bà **L** được ly hôn với ông **L1**.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà **L** và ông **L1** có 02 người con chung là **Võ Hà Tường V**, sinh ngày 10/12/2003 và **Võ Đăng K**, sinh ngày 28/10/2007. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà **L** xác nhận hiện nay các con đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên bà **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

[6] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà **L** phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần**

Thị Mỹ L về việc “Ly hôn” đối với bị đơn ông **Võ Thành L1**.

1. Về hôn nhân: Bà **Trần Thị Mỹ L** được ly hôn với ông **Võ Thành L1**.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **Trần Thị Mỹ L** tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) mà bà **L** đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 13- Đồng Nai theo biên lai thu 0007533 ngày 12/11/2025.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13 – Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13;
- UBND xã Hưng Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công